UBND TỈNH ĐỒNG THÁP **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 760 /BC-SKHCN	*Đồng Tháp, ngày 16 tháng 06 năm 2020*

BÁO CÁO

Kết quả kiểm tra, giám sát việc khắc phục 60 trạm cấp nước tập trung đã đầu tư hệ thống xử lý ô nhiễm asen, sắt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp trong đợt 1/2020 (6 tháng đầu năm 2020)

Thực hiện Công văn số 79/UBND-KT ngày 11 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc xử lý ô nhiễm asen, sắt đối với 60 trạm cấp nước đã đầu tư hệ thống xử lý; Thông báo số 11/TB-VPUBND ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thông báo kết luận của Phó chủ tịch UBND Tỉnh Nguyễn Thanh Hùng tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2019, triển khai nhiệm vụ năm 2020 ngành khoa học và công nghệ;

Sở Khoa học và công nghệ đã tổ chức đoàn làm việc tại các trạm cấp nước (TCN) nêu trên đợt 1/2020 từ ngày 19/5/2020 đến ngày ngày 29/5/2020. Thành phần đoàn làm việc như sau:

(1) Sở Khoa học và Công nghệ:

- Trung tâm Kiểm định và Kiểm nghiệm Đồng Tháp (Trung tâm).

(2) Cấp huyện:

- Đại diện Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện: Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình, Cao Lãnh, Tháp Mười, Lai Vung;

- Đại diện Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Lấp Vò, Phòng Kinh tế Tp. Cao Lãnh;

- Đại diện Phòng Y tế các huyện Thanh Bình, Cao Lãnh, Lai Vung, Tháp Mười, Lấp Vò, thành phố Cao Lãnh và Trung tâm Y tế huyện Tam Nông.

(3) Cấp xã:

- Đại diện UBND xã, thị trấn nơi có lắp đặt hệ thống xử lý asen, sắt.

(4) Đại diện các Trạm cấp nước (TCN) được đầu tư hệ thống xử lý asen, sắt.

Qua đợt công tác, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo kết quả làm việc cụ thể như sau:

I. Kết quả kiểm tra

Trong giai đoạn 2012 - 2015, Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thành việc đầu tư và đưa hệ thống xử lý asen, sắt vào sử dụng tại 60 TCN tập trung trên địa bàn tỉnh. Kết quả xét nghiệm chất lượng nước sau khi đưa hệ thống xử lý vào hoạt động của 60 trạm, hàm lượng sắt, asen đều giảm hẳn, đạt QCVN 02:2009/BYT, mang lại hiệu quả tích cực. Hệ thống tự động hóa, phát huy hết công suất xử lý. *(Phụ lục 2 đính kèm)*

Tuy nhiên, sau một thời gian sử dụng, đã phát sinh hai vấn đề tồn tại chủ yếu:

- Một số TCN không đủ nước cung cấp cho các hộ dân sử dụng vào giờ cao điểm;

- Một số TCN có chất lượng nước không đạt QCVN 02:2009/BYT.

II. Lưu lượng nước cấp và đề xuất hướng xử lý

2.1. Hiện trạng lưu lượng nước cấp

Căn cứ vào khảo sát thực tế, Sở Khoa học và Công nghệ đã xác định nguyên nhân thiếu nước của một số trạm cụ thể như sau:

- Có 03 trạm cấp nước bị thiếu nước vào giờ cao điểm khi vận hành hệ thống xử lý: TCN ấp 3 xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh; TCN Kênh Mười Tải, ấp Gò Cát, xã Phú Cường, huyện Tháp Mười; TCN Kênh Giữa, xã Tân Kiều, huyện Tháp Mười; với lý do:

+ Phần lớn các TCN đều được xây dựng trước năm 2007, với công suất bơm giếng từ 8 đến 10m^3/giờ phục vụ cho khoảng 300 hộ. Quy mô của hệ thống xử lý (lắp đặt giai đoạn 2012-2015) đã bao gồm tính đến nhu cầu phát triển nâng công suất của một TCN lên tối đa 12m^3/giờ. Tuy nhiên, do nhu cầu thực tế số hộ dân và lượng nước sử dụng của từng hộ ngày càng tăng cao, nên có TCN bị quá tải vào giờ cao điểm.

+ Qua một thời gian sử dụng, do không được súc rửa theo định kỳ và một số TCN đến thời hạn phải thay vật liệu lọc mới (3 năm/lần) nên lớp vật liệu lọc bị trơ dẫn đến tốc độ lọc chậm, giảm công suất cấp nước sau xử lý.

- Có 03 trạm cấp nước bị thiếu nước cấp vào giờ cao điểm dù không vận hành hệ thống do trục trặc về mạng lưới đường ống và bơm cấp bị yếu: TCN Long Hưng 2, xã Long Hậu, huyện Lai Vung; TCN TDC K12-Phú Hiệp, xã An Phước, huyện Tân Hồng; TCN CDC xã Phú Điền, huyện Tháp Mười.

2.2. Hướng xử lý đối với trường hợp thiếu nước vào giờ cao điểm

- Để khắc phục vấn đề thiếu nước sạch cung cấp cho các hộ dân hiện nay và tính đến nhu cầu phát triển trong thời gian tới, các TCN cần đầu tư bể trữ nước sạch sau xử lý (Sở Khoa học và Công nghệ tư vấn từng trường hợp cụ thể tùy theo quy mô cấp nước) ở các thời điểm bình thường để đủ nước cung cấp vào giờ cao điểm.

Một số TCN đã có đầu tư bể trữ nước sạch 20-30 m^3 là ví dụ điển hình để tránh tình trạng thiếu nước vào giờ cao điểm như: TCN ấp 2 xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh; TCN CDC trung tâm xã Gáo Gồng, huyện Cao Lãnh; TCN ấp Khánh Mỹ A, xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò.

- Các TCN phải súc rửa lớp vật liệu lọc định kỳ theo hướng dẫn. Đối với một số TCN đã đưa hệ thống xử lý asen, sắt vào sử dụng từ 3 năm trở lên cần thay mới lớp vật liệu lọc để cải thiện tốc độ lọc.

- Các TCN cần kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ bơm cấp và mạng lưới đường ống, tránh bị nghẹt và rò rỉ trên đường ống dẫn đến nước yếu và thiếu nước.

III. Chất lượng nước cấp và đề xuất hướng xử lý

3.1. Hiện trạng chất lượng nước cấp

Qua đợt kiểm tra, hiện trạng chất lượng nước tại các TCN cụ thể như sau:

- Có 26 TCN đang vận hành hệ thống đúng quy trình kỹ thuật. Mẫu nước tại 17/26 TCN này đạt so với QCVN 02:2009/BYT. Tuy nhiên, có 09 TCN chất lượng nước cấp không đạt:

+ Mẫu nước tại 01 TCN có 3 chỉ tiêu Asen, Coliform, E. Coli không đạt so với Quy chuẩn: TCN Lộ 30 cũ, xã Thông Bình, huyện Tân Hồng.

+ Mẫu nước tại 01 TCN có 2 chỉ tiêu Asen, Coliform không đạt so với Quy chuẩn: TCN Chợ biên giới Thông Bình, huyện Tân Hồng.

+ Mẫu nước tại 01 TCN có 1 chỉ tiêu Coliform không đạt so với Quy chuẩn: TCN Phú Thọ A, xã Phú Thọ, huyện Tam Nông.

+ Mẫu nước tại 06 TCN huyện Tháp Mười có chỉ tiêu 1 chỉ tiêu Asen không đạt so với Quy chuẩn: TCN Trung tâm chợ xã Đốc Binh Kiều; TCN tuyến Kênh Cái; TCN Bằng Lăng ấp 4; TCN kênh Nguyễn Văn Tiếp A (bắc); TCN CDC Mỹ Điền; TCN CDC xã Thanh Mỹ.

Nguyên nhân chính của các TCN xử lý Asen không đạt do hiện nay nguồn nước giếng đầu vào của các TCN này có sự biến động lớn gây mất cân đối giữa hàm lượng asen và sắt không đủ lượng sắt để tạo kết tủa xử lý asen. Trường hợp Sắt tổng không đạt do hệ thống xử lý tại các TCN đã được đưa vào sử dụng trên 5 năm mà chủ TCN không bảo dưỡng định kỳ máy móc và thay mới vật liệu lọc theo khuyến cáo của nhà sản xuất nên ảnh hưởng đến chất lượng nước cấp. Đối với trường hợp nước cấp không đạt chỉ tiêu vi sinh, chủ TCN cần kiểm tra bảo dưỡng máy ozone, thực hiện vệ sinh đường ống cấp nước và bổ sung clo.

- Có 03 TCN vận hành hệ thống không đúng quy trình kỹ thuật hoặc không liên tục. Chất lượng nước cấp 03 TCN này không đạt, cụ thể: 01 TCN huyện Tam Nông (TCN K9, xã Phú Đức), 01 TCN huyện Cao Lãnh (TCN ấp 3, xã Phương Trà), 01 TCN huyện Tháp Mười (TCN Kênh Giữa, xã Tân Kiều).

- Có 31 TCN không hoạt động hệ thống hoặc đã bàn giao TCN. Trong đó: (1) Chủ TCN không còn nhu cầu và có văn bản giao trả hệ thống: 05 TCN; (2) Chủ TCN có hướng khai thác và xử lý riêng (sử dụng hệ thống tự chế, bơm nước trực tiếp hoặc đấu nối nước mặt của đơn vị khác): 13 TCN; (3) Hệ thống gặp sự cố khi vận hành, chưa khắc phục được: 08 TCN; (4) Bàn giao TCN cho Công ty CP Cấp nước và Môi trường đô thị: 05 TCN.

3.2. Hướng xử lý để đảm bảo chất lượng nước cấp

- Các TCN cam kết vận hành hệ thống xử lý đúng quy trình kỹ thuật và liên tục để đảm bảo chất lượng nước sạch phục vụ người dân. Khi hệ thống có sự cố, cần liên hệ ngay với kỹ thuật để sửa chữa và vận hành lại hệ thống trong thời gian sớm nhất.

- Tính đến nay các TCN đã đưa hệ thống xử lý asen, sắt vào vận hành từ 5 - 8 năm nên cần phải thay mới lớp vật liệu lọc, kiểm tra, bảo dưỡng hoặc thay thế đối với máy tạo ozone và máy nén khí để đảm bảo hoạt động đúng công suất. Ngoài ra, các TCN cần thực hiện vệ sinh, súc rửa đường ống cấp nước định kỳ để đảm bảo nước cấp cho các hộ dân sử dụng không bị nhiễm vi sinh.

- Đối với các TCN hiện nay có sự thay đổi gây mất cân đối về tương quan giữa hàm lượng asen và sắt trong nước đầu vào cần bổ sung phèn sắt tạo kết tủa xử lý asen để đảm bảo nước đầu ra đạt Quy chuẩn (sử dụng bơm định lượng để châm phèn sắt với liều lượng phù hợp theo tư vấn của Sở Khoa học và Công nghệ).

- Đối với TCN không còn nhu cầu sử dụng hệ thống thì chủ TCN phải làm văn bản giao trả hệ thống gửi UBND cấp xã, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện. Đồng thời, chủ TCN phải có trách nhiệm giữ nguyên hiện trạng hệ thống xử lý trong khi chờ quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện có trách nhiệm tham mưu UBND huyện hướng xử lý dựa trên hiện trạng trên địa bàn huyện.

- Địa phương cần có chế tài đối với trường hợp các TCN cung cấp nước không đạt quy chuẩn. UBND cấp xã có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình hoạt động, vận hành hệ thống tại các TCN.

- Đối với các trạm có điện áp thấp và không ổn định, địa phương cần làm việc với ngành điện để có phương án cấp đủ điện cho các TCN hoạt động liên tục.

IV. So sánh tình hình hoạt động hệ thống giữa các đợt kiểm tra

Tình hình hoạt động hệ thống qua các đợt kiểm tra: từ Quý IV/2017 đến 6 tháng đầu năm 2020 được thể hiện trong bảng sau đây:

STT	Đợt kiểm tra	Số TCN đang vận hành hệ thống đúng quy trình kỹ thuật và kết quả mẫu nước	Số TCN vận hành hệ thống không liên tục, không đúng quy trình và kết quả mẫu nước	Số TCN có hệ thống không hoạt động hoặc đã bàn giao và kết quả mẫu nước	Số TCN thiếu nước vào giờ cao điểm khi vận hành hệ thống
1	Quý IV/2017	25 (không đạt: 03)	24 (không đạt: 13)	11 (không đạt: 06)	15
2	Quý I/2018	33 (không đạt: 05)	07 (không đạt: 03)	20 (không đạt: 10)	04
3	Quý II/2018	34 (không đạt: 09)	14 (không đạt: 06)	12 (không đạt: 08)	03
4	Quý III/2018	36 (không đạt: 11)	06 (không đạt: 02)	18 (không đạt: 07)	02
5	Quý IV/2018	28 (không đạt: 08)	16 (không đạt: 10)	16 (không đạt: 07)	02
6	Quý I/2019	31 (không đạt: 10)	12 (không đạt: 05)	17 (không đạt: 09)	03
7	Quý II/2019	29 (không đạt: 05)	10 (không đạt: 06)	21 (không đạt: 12)	02

STT	Đợt kiểm tra	Số TCN đang vận hành hệ thống đúng quy trình kỹ thuật và kết quả mẫu nước	Số TCN vận hành hệ thống không liên tục, không đúng quy trình và kết quả mẫu nước	Số TCN có hệ thống không hoạt động hoặc đã bàn giao và kết quả mẫu nước	Số TCN thiếu nước vào giờ cao điểm khi vận hành hệ thống
8	Quý III/2019	29 (không đạt: 16)	08 (không đạt: 05)	23 (không đạt: 12)	02
9	Quý IV/2019	29 (không đạt: 07)	04 (không đạt: 03)	27 (không đạt: 14)	04
10	6 tháng đầu năm 2020	26 (không đạt: 09)	03 (không đạt: 03)	31 (không đạt: 16)	03

- Số TCN vận hành hệ thống đúng quy trình kỹ thuật ở 6 tháng đầu năm 2020 giảm 03 TCN so với Quý IV/2019. Số TCN có mẫu nước không đạt cũng tăng hơn so với quý IV/2019.

- Số TCN vận hành hệ thống không liên tục, không đúng quy trình ở 6 tháng đầu năm 2020 giảm 01 TCN so với Quý IV/2019.

- Số TCN có hệ thống không hoạt động hoặc đã bàn giao ở 6 tháng đầu năm 2020 tăng 04 TCN so với Quý IV/2019.

- Ở 6 tháng đầu năm 2020, số TCN thiếu nước vào giờ cao điểm khi có vận hành hệ thống giàm 01 TCN so với Quý IV/2019.

Nhìn chung, qua đợt kiểm tra 6 tháng đầu năm 2020 số TCN đang vận hành hệ thống đúng quy trình kỹ thuật giảm so với quý IV/2019 và vẫn còn một số trạm cấp nước có chất lượng nước chưa đạt Quy chuẩn. Nguyên nhân do một số TCN đã thực hiện bàn giao cho các đơn vị khác hoặc có hướng đầu tư dự án nước mặt tăng. Ngoài ra, các TCN đã đưa hệ thống vào sử dụng trên 5 năm (đặc biệt các TCN có hệ thống lắp đặt năm 2012, 2013) nhưng các chủ TCN không bảo dưỡng định kỳ thiết bị, máy móc theo khuyến cáo của nhà sản xuất nên ảnh hưởng đến chất lượng và lưu lượng nước cấp. Một nguyên nhân khác là do chất lượng nước giếng đầu vào ngày càng bị nhiễm cao theo thời gian tại nhiều giếng khoan trên địa bàn tỉnh.

V. Nhận xét

Qua 10 đợt kiểm tra từ Quý IV/2017 đến 6 tháng đầu năm 2020 cho thấy rằng ý thức của chủ TCN trong việc chủ động vận hành hệ thống để cung cấp nước sạch cho người dân là quan trọng nhất. Bên cạnh đó, công tác quản lý của địa phương có vai trò rất quan trọng để sử dụng hiệu quả hệ thống tại các TCN, cụ thể huyện Lấp Vò thực hiện rất tốt công tác quản lý các TCN.

Sở Khoa học và Công nghệ với vai trò tư vấn hỗ trợ kỹ thuật đã tích cực tư vấn cho địa phương và các TCN để khắc phục tồn tại của các TCN. Tuy nhiên, về lâu dài để khắc phục triệt để các tồn tại, vai trò chính thuộc về các địa phương trong quản lý, giám

sát các TCN và trách nhiệm của các TCN phải vận hành hệ thống đúng quy trình kỹ thuật, bảo dưỡng định kỳ theo khuyến cáo của Sở Khoa học và Công nghệ.

VI. Kiến nghị

Sở Khoa học và Công nghệ kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép ngưng kiểm tra đối với các TCN không còn nhu cầu sử dụng hệ thống (đã bàn giao cho Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp-DOWASEN, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp và Nước sạch Nông thôn hoặc có hướng khai thác, sử dụng riêng *(theo Phụ lục 1 đính kèm*).

Để các TCN hoạt động hiệu quả, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Thực hiện nghiêm túc theo Công văn số 79/UBND-KT ngày 11 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Thông báo số 11/TB-VPUBND ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

- Rà soát các TCN (*theo Phụ lục 1 đính kèm)* để bảo quản hệ thống xử lý và giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế - Hạ tầng tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xử lý đối với các hệ thống xử lý không còn nhu cầu sử dụng.

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát và giải pháp khắc phục 60 TCN tập trung đã đầu tư hệ thống xử lý ô nhiễm asen, sắt trên địa bàn tỉnh trong đợt 1/2020 (06 tháng đầu năm 2020) của Sở Khoa học và Công nghệ./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- UBND huyện: Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình, Cao Lãnh, Lấp Vò, Lai Vung, Tháp Mười và Tp.Cao Lãnh;
- Lưu: VT, TTKĐKN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH ĐỒNG THÁP

Sở Khoa học và Công nghệ
Tỉnh Đồng Tháp
16-06-2020 15:00:09 +07:00

Nguyễn Văn Hùng

Phụ lục 1

DANH SÁCH CÁC TCN KHÔNG CÒN NHU CẦU SỬ DỤNG HỆ THỐNG

(Kèm theo Báo cáo số 760/BC-SKHCN ngày 16 /06 /2020 của Sở Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên Trạm cấp nước	Địa chỉ	Năm lắp đặt hệ thống	Ghi chú
I.	**Huyện Tân Hồng (03 TCN)**			
1	TCN Đồn 909	Xã Tân Hộ Cơ, Tân Hồng	2015	- TCN đã khoan giếng mới và sử dụng bình xử lý công suất nhỏ của Bộ chỉ huy cấp. - Có văn bản giao trả hệ thống.
2	TCN CDC Trung tâm chợ An Phước	xã An Phước, Tân Hồng	2015	Đã ngưng sử dụng hệ thống xử lý. Đấu nối sử dụng nước của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp và Nước sạch nông thôn để cấp cho các hộ dân.
3	TCN Chợ trời Công Binh	xã Thông Bình, Tân Hồng	2015	Đã ngưng sử dụng hệ thống xử lý. Đấu nối sử dụng nước của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp và Nước sạch nông thôn để cấp cho các hộ dân.
II.	**Huyện Tam Nông (05 TCN)**			
1	TCN ấp K12	Xã Phú Hiệp, Tam Nông	2014	Đã ngưng sử dụng hệ thống xử lý. Có văn bản giao trả hệ thống.
2	TCN ấp Cà Dâm	Xã Tân Công Sính, Tam Nông	2013	Hệ thống không hoạt động. TCN dùng giàn mưa xử lý nước.
3	TCN ấp Long Phú A	Xã Phú Thành A, Tam Nông	2013	Hệ thống không hoạt động. TCN dùng giàn mưa xử lý nước.
4	TCN ấp K8	Xã Phú Đức, Tam Nông	2014	Hệ thống không hoạt động. Hiện sử dụng hệ thống lọc tự chế để xử lý nước.
5	TCN khóm 5 TT.Tràm Chim	TT Tràm Chim, Tam Nông	2014	Đã bàn giao TCN cho DOWASEN

STT	Tên Trạm cấp nước	Địa chỉ	Năm lắp đặt hệ thống	Ghi chú
III. Huyện Tháp Mười (02 TCN)				
1	TCN TT chợ xã Hưng Thạnh	Xã Hưng Thạnh, Tháp Mười	2012	Có văn bản giao trả hệ thống
2	TCN Kênh 5 Ấp 2 xã Đốc Binh Kiều	Xã Đốc Binh Kiều,Tháp Mười	2013	Có văn bản giao trả hệ thống
IV. Huyện Lai Vung (05 TCN)				
1	TCN ấp Tân Thuận	Xã Tân Phước, Lai Vung	2014	Có văn bản giao trả hệ thống
2	TCN ấp Hòa Bình	Xã Long Thắng, Lai Vung	2014	Có văn bản giao trả hệ thống
3	TCN Rạch Dông	Xã Long Hậu, Lai Vung	2012	Đã ngưng sử dụng hệ thống xử lý. Chuẩn bị đưa vào vận hành nhà máy xử lý nước mặt.
4	TCN ấp Long Thành A	Xã Long Hậu, Lai Vung	2012	Đã ngưng sử dụng hệ thống xử lý. Chuẩn bị đưa vào vận hành nhà máy xử lý nước mặt.
5	TCN ấp Tân Lộc B	Xã Tân Dương, Lai Vung	2012	Đã bàn giao TCN cho DOWASEN
V. Tp. Cao Lãnh (01 TCN)				
1	TCN ấp Tịnh Hưng	Xã Tịnh Thới, Tp. Cao Lãnh	2015	Đã bàn giao TCN cho DOWASEN
VI. Huyện Lấp Vò (02 TCN)				
1	TCN ấp Tân Hòa Đông	Xã Tân Mỹ, Lấp Vò	2013	Đã ngưng sử dụng hệ thống xử lý. Đã ký bàn giao TCN cho DOWASEN.
2	TCN ấp Hưng Hòa	Xã Tân Khánh Trung, Lấp Vò	2013	Đã bàn giao TCN cho DOWASEN
Tổng cộng: 18 TCN				

Phụ lục 2

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA HỆ THỐNG XỬ LÝ Ở CÁC TCN TRONG ĐỢT 1/2020

(Kèm theo Báo cáo số 760 /BC-SKHCN ngày 16 06 /2020 của Sở Khoa học và Công nghệ)

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
I.	**Huyện Tân Hồng** (07 TCN)							
1	TCN TDC Lộ 30 cũ	xã Thông Bình, Tân Hồng	2015	Sắt tổng: 0,09 mg/l Asen: **24,6 µg/l** Coliform: **69 CFU/100ml** E.coli: **25 CFU/100 ml** (không đạt Asen, Coliform, E.Coli)	Sắt tổng: 0,03 mg/l Asen: **17,7 µg/l** Coliform: **330 CFU/100ml** E.coli: **50 CFU/100 ml** (không đạt Asen, Coliform, E.Coli)	- Quy mô 180 hộ sử dụng. - Hiện khi vận hành hệ thống cung cấp đủ nước cho các hộ dân sử dụng.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật.	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục và đúng quy trình kỹ thuật. Sở KH&CN thông báo TCN để kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị và vệ sinh đường ống cấp đi.
2	TCN Chợ biên giới Thông Bình (Đồn 905)	xã Thông Bình, Tân Hồng	2015	Sắt tổng: 0,1 mg/l Asen: **27,1 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (không đạt asen)	Sắt tổng: 0,27 mg/l Asen: **22 µg/l** Coliform: **110 CFU/100ml** E.coli: KPH (Không đạt Asen, Coliform)	Quy mô 145 hộ sử dụng. - Đủ nước cho các hộ dân sử dụng.	- Hệ thống xử lý hoạt động bình thường. Trạm không sử dụng clo, phèn sắt.	Đồn 905 cần vệ sinh đường ống cấp đi. Đồng thời, sử dụng phèn sắt, clo để đảm bảo đạt về asen, vi sinh.

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
3	TCN TDC K12 – Phú Hiệp	xã An Phước, Tân Hồng	2015	Sắt tổng: 0,42 mg/l Asen: **15,7 µg/l** Coliform: 14 CFU/100ml E.coli: KPH (không đạt về asen)	Không lấy mẫu	- Quy mô 128 hộ sử dụng. - Thiếu nước do mạng lưới đường ống, đặc biệt tại trường mẫu giáo An Phước.	Hệ thống không hoạt động do van khí của máy nén bị gãy, sửa chữa nhưng hư tiếp tục. Trạm không dùng clo.	Chủ TCN phải khắc phục, thay mới van nén khí để vận hành hệ thống liên tục và đúng quy trình kỹ thuật.
4	TCN Chiến Thắng – Gò Bói	xã Tân Hộ Cơ, Tân Hồng	2015	Sắt tổng: 0,03 mg/l Asen: **26,8 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (không đạt về Asen)	Không lấy mẫu	- Quy mô 190 hộ sử dụng. - Đủ nước cho các hộ dân sử dụng.	Hệ thống không hoạt động do bơm nén bị cháy chưa sửa được. Trạm không dùng clo.	Chủ TCN cần liên hệ kỹ thuật khắc phục lỗi để vận hành hệ thống liên tục và đúng quy trình kỹ thuật.
5	TCN CDC Trung tâm chợ An Phước	xã An Phước, Tân Hồng	2015	Không lấy mẫu	Không lấy mẫu	- Quy mô 430 hộ sử dụng. - Hiện cung cấp đủ nước cho các hộ dân sử dụng.	- Hệ thống không hoạt động. - TCN hòa mạng nước của Trung tâm DVNN&NSNT để cấp nước cho các hộ dân.	- Chủ TCN phải giữ nguyên hiện trạng hệ thống. -Phòng NN&PTNT huyện tham mưu UBND huyện để có hướng xử lý đối với hệ thống xử lý asen, sắt.

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
6	TCN Chợ trời Công Binh	xã Thông Bình, Tân Hồng	2015	Không lấy mẫu	Không lấy mẫu	- Quy mô 136 hộ sử dụng. - Hiện cung cấp đủ nước cho các hộ dân sử dụng.	Hệ thống không hoạt động. Lý do: chủ TCN đã đấu nối hòa mạng nước của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp và Nước sạch nông thôn (DVNN&NSNT).	- Chủ TCN cam kết giữ nguyên hiện trạng hệ thống trong khi chờ quyết định của cơ quan có thẩm quyền. - Chủ TCN cam kết vệ sinh, súc rửa đường ống cấp đi để đảm bảo đạt về chỉ tiêu vi sinh.
7	TCN Đồn 909	xã Tân Hộ Cơ, Tân Hồng	2015	Không lấy mẫu	Không lấy mẫu	Sử dụng nội bộ	- Hệ thống không hoạt động. - TCN đã khoan giếng mới và sử dụng bình xử lý công suất nhỏ của Bộ chỉ huy.	Bộ đội biên phòng tỉnh làm việc với UBND huyện để có hướng xử lý.
II.	**Huyện Thanh Bình** (01 TCN)							
1	TCN TDC An Phong	xã Tân Mỹ, Thanh Bình	2015	Sắt tổng: 0,19 mg/l Asen: 9,84 µg/l Coliform: **160 CFU/100ml** E.coli: KPH (không đạt	Sắt tổng: 0,10 mg/l Asen: 8,98 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	Đủ cho quy mô 520 hộ sử dụng.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật.	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục và đúng quy trình kỹ thuật.

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
				Coliform)				
III.	**Huyện Tam Nông** (12 TCN)							
1	TCN TDC ấp Tân Hưng	Xã Tân Công Sính, Tam Nông	2014	Sắt tổng: **0,72 mg/l** Asen: 8,85 µg/l Coliform: 33 CFU/100ml E.coli: KPH (không đạt Sắt tổng)	Sắt tổng: 0,4 mg/l Asen: 5,48 µg/l Coliform: 19 CFU/100 ml E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	Đủ cho quy mô 286 hộ sử dụng.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật. Tuy nhiên máy ozone bị yếu, phần súc rửa tự động bị hư và không sử dụng cho.	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục và đúng quy trình kỹ thuật. Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống theo khuyến cáo của Sở Khoa học và Công nghệ.
2	TCN TDC Kênh Mười Tải, ấp Gò Cát	Xã Phú Cường, Tam Nông	2014	Sắt tổng: 0,1 mg/l Asen: **11,9 µg/l** Coliform: **170 CFU/100ml** E.coli: KPH (không đạt Asen, Coliform)	Sắt tổng: 0,29 mg/l Asen: 7,19 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	- Quy mô 240 hộ sử dụng. - Đã đầu tư thêm hồ dự trữ.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật.	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục. Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống theo khuyến cáo của Sở Khoa học và Công nghệ.
3	TCN ấp K10	Xã Phú Hiệp, Tam Nông	2013	Sắt tổng: **0,94 mg/l** Asen: 5,76 µg/l Coliform: 25 CFU/100ml E.coli: KPH	Sắt tổng: 0,31 mg/l Asen: 7,18 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	Quy mô cấp nước 430 hộ	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật. Không sử dụng	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục và đúng quy trình kỹ thuật.

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
				(không đạt Sắt)			clo.	
4	TCN ấp Phú Thọ A	Xã Phú Thọ,Tam Nông	2014	Sắt tổng: 0,21 mg/l Asen: 9,53 µg/l Coliform: **280 CFU/100ml** E.coli: KPH (không đạt về Coliform)	Sắt tổng: 0,14 mg/l Asen: 9,51 µg/l Coliform: **95 CFU/100ml** E.coli: KPH (không đạt về Coliform)	- Quy mô 450 hộ sử dụng. - Có giếng phụ để bổ sung nước vào giờ cao điểm.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật. Không sử dụng clo.	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục. Chủ TCN phải kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống theo khuyến cáo của Sở Khoa học và Công nghệ và bổ sung Clo để cải thiện hiệu suất xử lý và đảm bảo đạt về ví sinh.
5	TCN Long Thành	Xã Phú Thành A, Tam Nông	2013	Sắt tổng: 0,14 mg/l Asen: **20,2 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (không đạt asen)	Không lấy mẫu	Quy mô 300 hộ sử dụng. Ý kiến chủ TCN: Thiếu hụt nước vào giờ cao điểm.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống không hoạt động.	Chủ TCN cần vận hành hệ thống xử lý và bảo dưỡng các thiết bị để đảm bảo hoạt động đúng công suất, đảm bảo chất lượng nước cho người dân sử dụng.
6	TCN ấp K9	Xã Phú Đức,Tam Nông	2013	Sắt tổng: 0,22 mg/l	Sắt tổng: 0,28 mg/l	Đủ cho quy mô 450 hộ sử dụng	Hệ thống hoạt động không đúng	Chủ TCN cam kết vận hành hệ

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
				Asen: **10,9 µg/l** Coliform: **120 CFU/100ml** E.coli: **10 CFU/100ml** (không đạt về asen, coliform, E.Coli)	Asen: **10,8 µg/l** Coliform: **55 CFU/100ml** E.coli: **21 CFU/100ml** (không đạt về asen, coliform, E.Coli)	khi vận hành hệ thống.	quy trình kỹ thuật do máy ozone không còn hoạt động	thống liên tục. Trong thời gian tới, chủ TCN vệ sinh, súc rửa đường ống cấp nước, thực hiện bổ sung clo hoặc sửa chữa máy ozone để đảm bảo chất lượng nước đạt Quy chuẩn.
7	TCN cụm dân cư ấp Hồng Kỳ	Xã Phú Cường, Tam Nông	2014	Sắt tổng: 0,295 mg/l Asen: **13,6 µg/l** Coliform: 18 CFU/100ml E.coli: KPH (Không đạt Asen)	Không lấy mẫu	Quy mô cấp nước hiện còn 100 hộ sử dụng	Hệ thống hoạt động không hoạt động, do bị lỗi tràn khi vận hành và vật liệu lọc bị trơ.	Chủ TCN cần sửa chữa, khắc phục lỗi để vận hành hệ thống. Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc để đảm bảo hoạt động đúng công suất.
8	TCN ấp Cà Dâm	Xã Tân Công Sính, Tam Nông	2013	Sắt tổng: **1,25 mg/l** Asen: **11,8 µg/l** Coliform: 10 CFU/100ml E.coli: KPH (không đạt sắt	Sắt tổng: **1,05 mg/l** Asen: **11,9 µg/l** Coliform: **360 CFU/100ml** E.coli: KPH (không đạt Sắt	Đủ cho Quy mô 280 hộ sử dụng.	Hệ thống không hoạt động. TCN dùng giàn mưa xử lý nước. Không sử dụng clo.	Phòng NN&PTNT phối hợp với UBND xã làm việc với chủ TCN để bảo quản, phục hồi nguyên trạng hệ

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
				tổng, Asen)	tổng, Asen, Coliform)			thống. Đồng thời, nhắc nhở trạm cấp nước có giải pháp đảm bảo về chất lượng nước cho các hộ dân sử dụng.
9	TCN ấp Long Phú A	Xã Phú Thành A, Tam Nông	2013	Sắt tổng: 0,43 mg/l Asen: **14,4 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt Asen)	Sắt tổng: 0,47 mg/l Asen: **14,0 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt Asen)	Hiện đủ nước cấp cho quy mô 800 hộ sử dụng.	Hệ thống không hoạt động. TCN dùng giàn mưa xử lý nước. Không sử dụng clo.	Phòng NN&PTNT phối hợp với UBND xã làm việc với chủ TCN để bảo quản, phục hồi nguyên trạng hệ thống. Đồng thời, nhắc nhở trạm cấp nước có giải pháp đảm bảo về chất lượng nước cho các hộ dân sử dụng.
10	TCN ấp K8	Xã Phú Đức,Tam Nông	2014	Sắt tổng: **0,69 mg/l** Asen: **11,2 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt về Sắt tổng, Asen)	Sắt tổng: **0,65 mg/l** Asen: **10,7 µg/l** Coliform: 44 CFU/100ml E.coli: KPH (Không đạt về	Quy mô 150 hộ sử dụng.	- Hệ thống không hoạt động. - Hiện xử lý nước bằng hệ thống lọc tự chế. - Có châm clo.	Phòng NN&PTNT phối hợp với UBND xã làm việc với chủ TCN để phục hồi nguyên trạng hệ thống và báo

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
					Sắt tổng, Asen)			cáo Sở KH&CN.
11	TCN khóm 5 TT.Tràm Chim	TT Tràm Chim, Tam Nông	2014	Không lấy mẫu	Không lấy mẫu	Quy mô 600 hộ sử dụng	Đã bàn giao cho Công ty CP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Phòng NN&PTNT và UBND xã giám sát việc cấp nước của TCN trong thời gian tới sau khi bàn giao.
12	TCN ấp K12	Xã Phú Hiệp, Tam Nông	2014	Không lấy mẫu	Không lấy mẫu	Quy mô cấp nước 330 hộ	- Hệ thống không hoạt động. - Đã khoan giếng mới và sử dụng giàn mưa để xử lý nước.	Chủ TCN đã thống nhất giao trả hệ thống để UBND xã và Phòng NN&PTNT huyện có hướng xử lý.
IV.	**Huyện Cao Lãnh** (06 TCN)							
1	TCN CDC trung tâm xã Gáo Giồng	Xã Gáo Giồng, H. Cao Lãnh	2013	Sắt tổng: **0,95 mg/l** Asen: 7,83 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt Sắt tổng)	Sắt tổng: 0,14 mg/l Asen: 8,77 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	- Đủ cho quy mô 600 hộ sử dụng. - Có bể dự trữ nước sạch 20 m^3.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật. Có sử dụng clo.	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục trong thời gian tới để đảm bảo nước sạch cho người dân.
2	TCN CDC K15	Xã Gáo Giồng, H. Cao Lãnh	2014	Sắt tổng: 0,12 mg/l Asen: 4,6 µg/l	Sắt tổng: 0,112 mg/l Asen: 4,5 µg/l	- Đủ cho quy mô 380 hộ sử dụng.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
				Coliform: **70 CFU/100ml** E.coli: **70 CFU/100ml** (Không đạt Coliform, E.Coli)	Coliform: 35 CFU/100ml E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	- Có bể dự trữ nước sạch 20 m^3.	động đúng quy trình kỹ thuật. Có sử dụng clo.	trong thời gian tới để đảm bảo nước sạch cho người dân.
3	TCN tuyến DC Đông Mỹ	Xã Mỹ Hội, H.Cao Lãnh	2013	Sắt tổng: 0,05 mg/l Asen: **11,8 µg/l** Coliform: **240 CFU/100ml** E.coli: KPH (Không đạt Asen, Coliform)	Sắt tổng: 0,07 mg/l Asen: 9,2 µg/l Coliform: 18 CFU/100ml E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	Đủ cho quy mô cấp nước 350 hộ sử dụng.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật. Trạm có sử dụng clo.	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục. Đồng thời, Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc để cải thiện hiệu suất xử lý.
4	TCN ấp 2	Xã Tân Nghĩa, H. Cao Lãnh	2014	Sắt tổng: 0,13 mg/l Asen: **12,9 µg/l** Coliform: **260 CFU/100ml** E.coli: KPH (không đạt Asen, Coliform)	Sắt tổng: 0,22 mg/l Asen: 8,7 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	- Đủ nước cho quy mô 500 hộ sử dụng. - Có bể dự trữ nước sạch 35 m^3.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật. Không có clo, có phèn sắt.	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục và đúng quy trình kỹ thuật theo khuyến cáo của Sở Khoa học và Công nghệ.
5	TCN khu dân cư ấp Mỹ Hưng Hòa	Xã Mỹ Xương, H.Cao Lãnh	2013	Sắt tổng: 0,07 mg/l Asen: **11,8 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt Asen)	Sắt tổng: 0,06 mg/l Asen: 9,5 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	Đủ cho quy mô 580 hộ sử dụng.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật. Không có clo.	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục. Đồng thời, kiểm tra, bảo dưỡng máy móc để cải

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
								thiện hiệu suất xử lý.
6	TCN khu dân cư ấp 3 Phương Trà	Xã Phương Trà, H.Cao Lãnh	2013	Sắt tổng: 0,116 mg/l Asen: **12,4 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (không đạt về Asen)	Sắt tổng: 0,13 mg/l Asen: **12,3 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (không đạt về Asen)	- Quy mô 328 hộ sử dụng. - Có thiếu nước vào giờ cao điểm ở khu vực cuối nguồn, đặc biệt dịp lễ, tết.	Hệ thống hoạt động không đúng quy trình kỹ thuật, do máy ozone bị trục trặc không sử dụng.	- Chủ TCN cam kết khắc phục máy ôzone để vận hành hệ thống đúng quy trình kỹ thuật. - Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc để đảm bảo hoạt động đúng công suất.
V. Huyện Lấp Vò (08 TCN)								
1	TCN ấp Hòa Thuận	xã Vĩnh Thạnh, Lấp Vò	2015	Sắt tổng: 0,07 mg/l Asen: 9,21 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	Sắt tổng: 0,32 mg/l Asen: 8,51 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	- Đủ cho quy mô 450 hộ sử dụng. - Có bồn dự trữ nước sạch 30 m^3.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật.	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục. TCN kiểm tra lại thiết bị và quá trình súc rửa của hệ thống, để đảm bảo hiệu suất xử lý.

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
2	TCN khu dân cư ấp An Thuận	xã Mỹ An Hưng B, Lấp Vò	2015	Sắt tổng: 0,16 mg/l Asen: 4,75 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	Sắt tổng: 0,13 mg/l Asen: 4,81 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	- Đủ cho quy mô 500 hộ sử dụng.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật. Có sử dụng clo.	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống theo khuyến cáo của Sở Khoa học và Công nghệ.
3	TCN khu dân cư Đất Sét	Xã Mỹ An Hưng B, Lấp Vò	2013	Sắt tổng: 0,17 mg/l Asen: 6,46 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	Sắt tổng: 0,17 mg/l Asen: 5,51 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	- Đủ cho quy mô 380 hộ sử dụng.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật. Có sử dụng clo.	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục đảm bảo chất lượng nước sạch đạt Quy chuẩn cung cấp cho người dân.
4	TCN ấp Khánh Mỹ A	Xã Tân Khánh Trung, Lấp Vò	2013	Sắt tổng: 0,07 mg/l Asen: **15,6 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (không đạt về Asen)	Sắt tổng: 0,12 mg/l Asen: **13,3 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	- Đủ cho quy mô 500 hộ sử dụng. - Hiện có bồn dự trữ 40 m^3.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật. Trạm có châm clo ở đầu ra.	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục. TCN kiểm tra lại thiết bị và liều lượng phèn sắt, để hiệu quả phản ứng sắt – asen được tối ưu: asen giảm nhưng sắt không vượt Quy chuẩn.

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
5	TCN CDC trung tâm xã Vĩnh Thạnh	Xã Vĩnh Thạnh, Lấp Vò	2013	Sắt tổng: 0,12 mg/l Asen: 9,92 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	Sắt tổng: 0,08 mg/l Asen: 7,44 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	- Đủ cho quy mô 400 hộ sử dụng. - Có bồn dự trữ nước sạch 60 m^3.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật. Có sử dụng clo.	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục. TCN kiểm tra lại thiết bị và quá trình súc rửa của hệ thống, để đảm bảo hiệu suất xử lý.
6	TCN CDC trung tâm xã Long Hưng A	Xã Long Hưng A, Lấp Vò	2013	Sắt tổng: 0,132 mg/l Asen: **14,3 µg/l** Coliform: **100** CFU/100ml E.coli: KPH (không đạt về Asen, Coliform)	Không lấy mẫu	- Đủ nước cho quy mô 550 hộ sử dụng.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống không hoạt động. Lý do: bị cháy dàn hệ thống điện.	Chủ TCN cam kết sửa chữa, vận hành hệ thống liên tục theo khuyến cáo của Sở Khoa học và Công nghệ.
7	TCN ấp Tân Hòa Đông	Xã Tân Mỹ, Lấp Vò	2013	Sắt tổng: 0,07 mg/l Asen: **13,5 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt Asen)	Không lấy mẫu	- Quy mô 350 hộ sử dụng. - Có bồn dự trữ nước sạch 30 m^3.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống không hoạt động. Đã ký bàn giao cho DOWASEN.	Phòng NN&PTNT và UBND xã kiểm tra, giám sát công tác vận hành tại TCN sau khi bàn giao.
8	TCN ấp Hưng Hòa	Xã Tân Khánh Trung, Lấp Vò	2013	Không lấy mẫu	Không lấy mẫu	- Quy mô 450 hộ sử dụng. - Có bồn dự trữ nước sạch 45	TCN đã bàn giao cho Công ty CP Môi trường và Cấp thoát nước	Phòng NN&PTNT và UBND xã kiểm tra, giám sát công

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
						m^3.	đô thị.	tác vận hành tại TCN sau khi bàn giao.
VI.	**Thành phố Cao Lãnh (01 TCN)**							
1	TCN ấp Tịnh Hưng	xã Tịnh Thới, TP. Cao Lãnh	2015	Không lấy mẫu	Không lấy mẫu	Quy mô 120 hô sử dụng.	TCN đã bàn giao cho Công ty CP Môi trường và Cấp thoát nước đô thị.	Phòng Kinh tế TP. Cao Lãnh và UBND xã kiểm tra, giám sát công tác vận hành tại TCN sau khi bàn giao.
VII.	**Huyện Lai Vung** (08 TCN)							
1	TCN ấp Tân Thành	Xã Hòa Thành, Lai Vung	2012	Sắt tổng: 0,09 mg/l Asen: **10,9 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	Sắt tổng: 0,06 mg/l Asen: 9,6 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	- Đủ cho quy mô 650 hộ sử dụng. - Có bồn dự trữ nước sạch 40 m^3.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật.	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục và đúng quy trình kỹ thuật theo khuyến cáo của Sở Khoa học và Công nghệ.
2	TCN ấp Tân Thuận A	Xã Tân Dương, Lai Vung	2014	Sắt tổng: 0,1 mg/l Asen: **15,3 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt Asen)	Sắt tổng: 0,1 mg/l Asen: 9,7 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	Quy mô 300 hộ sử dụng.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật.	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục. Đồng thời, kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị định kỳ.

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
3	TCN Rạch Dông	Xã Long Hậu, Lai Vung	2012	Sắt tổng: 0,06 mg/l Asen: 6,04 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	Không lấy mẫu	Quy mô cấp nước 700 hộ	Hệ thống không hoạt động. Chuẩn bị dẫn nước từ nhà máy xử lý nước mặt qua.	- Phòng Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND huyện để có hướng xử lý đối với hệ thống xử lý asen, sắt tại TCN.
4	TCN ấp Long Thành A	Xã Long Hậu, Lai Vung	2012	Sắt tổng: 0,27 mg/l Asen: 4,11 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	Không lấy mẫu.	Quy mô 800 hộ sử dụng.	Hệ thống không hoạt động. Chuẩn bị dẫn nước từ nhà máy xử lý nước mặt qua.	- Phòng Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND huyện để có hướng xử lý đối với hệ thống xử lý asen, sắt tại TCN.
5	TCN ấp Long Hưng 2	Xã Long Hậu, Lai Vung	2012	Sắt tổng: 0,04 mg/l Asen: **16,1 µg/l** Coliform: 11 CFU/100ml E.coli: KPH (Không đạt về asen)	Không lấy mẫu	Quy mô 250 hộ sử dụng.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống không hoạt động.	Phòng NN&PTNT huyện làm việc với Chủ TCN để có giải pháp đảm bảo chất lượng nước và có văn bản giao trả nếu không còn nhu cầu sử dụng hệ thống xử lý asen, sắt.

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	**Đầu ra (cấp đi)**			
6	TCN ấp Tân Lộc B	Xã Tân Dương, Lai Vung	2012	Không lấy mẫu	Không lấy mẫu	Quy mô 350 hộ sử dụng.	Đã bàn giao cho Công ty CP Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp	Phòng NN&PTNT và UBND xã giám sát việc cấp nước của TCN.
7	TCN ấp Tân Thuận	Xã Tân Phước, Lai Vung	2014	Không lấy mẫu	Không lấy mẫu	Quy mô 250 hộ sử dụng.	Hệ thống không hoạt động. Do Chủ trạm không còn nhu cầu sử dụng hệ thống.	Chủ TCN thống nhất giao trả hệ thống và chờ hướng xử lý.
8	TCN ấp Hòa Bình	Long Thắng, Lai Vung	2014	Không lấy mẫu	Không lấy mẫu	Quy mô 200 hộ sử dụng.	Hệ thống không hoạt động. Do Chủ trạm không còn nhu cầu sử dụng hệ thống.	Chủ TCN thống nhất giao trả hệ thống và chờ hướng xử lý.
VIII. Huyện Tháp Mười (16 TCN)								
1	TCN tuyến Kênh Cái	Xã Đốc Binh Kiều,Tháp Mười	2012	Sắt tổng: 0,05 mg/l Asen: **17,9 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt về Asen)	Sắt tổng: 0,06 mg/l Asen: **14,2 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt về Asen)	Đủ cho quy mô 270 hộ sử dụng khi vận hành hệ thống.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật.	- Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục. - Đồng thời, kiểm tra, bảo dưỡng máy móc định kỳ để cải thiện hiệu suất xử lý.
2	TCN CDC Thanh Mỹ	Xã Thanh Mỹ, Tháp Mười	2012	Sắt tổng: 0,06 mg/l **Asen: 20,6 µg/l**	Sắt tổng: 0,12 mg/l Asen: **14,4 µg/l**	Đủ cho quy mô 315 hộ sử dụng khi vận hành hệ	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt	- Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục.

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
				Coliform: KPH E.coli: KPH (không đạt về Asen)	Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	thống.	động đúng quy trình kỹ thuật. Có giếng mới bổ sung lượng nước vào giờ cao điểm.	- Đồng thời, kiểm tra, bảo dưỡng máy móc định kỳ và vệ sinh đường ống cấp đi để cải thiện hiệu suất hệ thống xử lý.
3	TCN Bằng Lăng ấp 4	xã Đốc Binh Kiều, Tháp Mười	2015	Sắt tổng: 0,06 mg/l Asen: **18,0 µg/l** Coliform: 14 CFU/100ml E.coli: KPH (Không đạt về Asen)	Sắt tổng: 0,10 mg/l Asen: **15,7 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt về Asen)	Đủ cho quy mô 360 hộ sử dụng khi vận hành hệ thống.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật.	- Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục. - Đồng thời, kiểm tra, bảo dưỡng máy móc định kỳ và vệ sinh đường ống cấp đi để cải thiện hiệu suất hệ thống xử lý.
4	TCN Kênh Nguyễn Văn Tiếp A (bắc)	Xã Đốc Binh Kiều,Tháp Mười	2013	Sắt tổng: **0,72 mg/l** Asen: **18,5 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt về Sắt tổng, Asen)	Sắt tổng: 0,10 mg/l Asen: **15,4 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt về Asen)	Đủ cho Quy mô 300 hộ sử dụng.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật.	- Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục. - Đồng thời, kiểm tra, bảo dưỡng máy móc định kỳ và vệ sinh đường ống cấp đi để cải thiện hiệu suất hệ thống xử lý.
5	TCN Trung tâm	Xã Đốc Binh	2013	Sắt tổng: 0,11	Sắt tổng: 0,08	Đủ cho quy mô	Tại thời điểm	- Chủ TCN cam

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
	Chợ xã Đốc Binh Kiều	Kiều,Tháp Mười		mg/l Asen: **18,4 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt về Asen)	mg/l Asen: **16,0 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt về Asen)	330 hộ sử dụng khi vận hành hệ thống.	kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật.	kết vận hành hệ thống liên tục. - Đồng thời, kiểm tra, bảo dưỡng máy móc định kỳ và vệ sinh đường ống cấp đi để cải thiện hiệu suất hệ thống xử lý.
6	TCN CDC Mỹ Điền	xã Phú Điền, Tháp Mười	2015	Sắt tổng: 0,05 mg/l Asen: **29,7 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt Asen)	Sắt tổng: 0,29 mg/l Asen: **15,5 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt Asen)	Đủ cho quy mô 450 hộ sử dụng khi vận hành hệ thống.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động đúng quy trình kỹ thuật.	- Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục. - Đồng thời, kiểm tra, bảo dưỡng máy móc định kỳ và vệ sinh đường ống cấp đi để cải thiện hiệu suất hệ thống xử lý.
7	TCN ấp Mỹ Thị B	Xã Mỹ An,Tháp Mười	2012	Sắt tổng: 0,08 mg/l Asen: KPH Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	Sắt tổng: 0,05 mg/l Asen: 1,6 µg/l Coliform: KPH E.coli: KPH (đạt Quy chuẩn)	Quy mô 750 hộ sử dụng. Có hồ trữ, đủ nước cấp cho các hộ dân.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống đang hoạt động. Hiện có giếng mới chất lượng tốt hòa mạng	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống xử lý, đảm bảo nước sạch đạt Quy chuẩn cấp cho người dân.
8	TCN ấp Mỹ Tây 2	xã Mỹ Quý, Tháp Mười	2015	Sắt tổng: 0,09 mg/l	Không lấy mẫu	- Quy mô 400 hộ sử dụng.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ	Phòng Nông nghiệp và PTNT

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
				Asen: **23,8 µg/l** Coliform: 32 CFU/100ml E.coli: KPH (không đạt về Asen)		- Có khoan giếng mới để tăng cường vào giờ cao điểm.	thống không hoạt động.	làm việc với chủ TCN để có cam kết vận hành hệ thống xử lý, đảm bảo chất lượng nước.
9	TCN cụm dân cư xã Phú Điền	Xã Phú Điền,Tháp Mười	2013	Sắt tổng: 0,1 mg/l Asen: **19,7 µg/l** Coliform: 44 CFU/100ml E.coli: KPH (Không đạt Asen)	Không lấy mẫu	Thiếu nước quy mô cấp nước 300 hộ sử dụng ở chợ xã Phú Điền.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống không hoạt động.	Chủ TCN cam kết khắc phục để vận hành hệ thống, đảm bảo nước sạch đạt Quy chuẩn cấp cho người dân.
10	TCN ấp Mỹ Thị A	Xã Mỹ An,Tháp Mười	2013	Sắt tổng: 0,05 mg/l Asen: **12,7 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (không đạt Asen)	Không lấy mẫu	Quy mô 300 hộ sử dụng.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống không hoạt động. Không sử dụng clo	Chủ TCN cam kết đảm bảo nước sạch đạt Quy chuẩn cấp cho người dân.
11	TCN ấp 6A	xã Trường Xuân, Tháp Mười	2015	Sắt tổng: 0,14 mg/l Asen: 1,41 µg/l Coliform: **580 CFU/100ml** E.coli: KPH (Không đạt Coliform)	Không lấy mẫu	Đủ cho quy mô 180 hộ sử dụng khi vận hành hệ thống.	Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống không hoạt động. Hiện có giếng mới chất lượng tốt hòa mạng.	Chủ TCN phải bổ sung clo đảm bảo nước sạch đạt Quy chuẩn cấp cho người dân và giữ nguyên hiện trạng hệ thống xử lý asen, sắt.

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
12	TCN ấp Mỹ Phú B	xã Mỹ An, Tháp Mười	2015	Sắt tổng: 0,07 mg/l Asen: **20,9 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt về Asen)	Không lấy mẫu	Quy mô 155 hộ sử dụng.	Hệ thống không hoạt động do máy ozone bị trục trặc, chưa sửa xong. Không sử dụng clo	Chủ TCN cam kết vận hành hệ thống liên tục sau khi sửa chữa.
13	TCN CDC thị trấn Mỹ An	Thị trấn Mỹ An, Tháp Mười	2015	Sắt tổng: 0,1 mg/l Asen: **28 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt về asen)	Không lấy mẫu	- Quy mô 400 hộ sử dụng. - Có hồ dự trữ 40 m^3.	Hệ thống không hoạt động. Lý do: đang trong giai đoạn đàm phán bàn giao TCN với DOWASEN	Chủ TCN cam kết cam kết có giải pháp đảm bảo chất lượng và lưu lượng nước cho người dân.
14	TCN CDC xã Đốc Binh Kiều	Xã Đốc Binh Kiều,Tháp Mười	2012	Sắt tổng: 0,13 mg/l Asen: **19,0 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (không đạt asen)	Không lấy mẫu	Quy mô 450 hộ sử dụng.	Hệ thống không hoạt động do lỗi tràn khi súc rửa chưa khắc phục xong.	Chủ TCN cam kết có giải pháp đảm bảo chất lượng và lưu lượng nước cho người dân.
15	TCN TT chợ xã Hưng Thạnh	Xã Hưng Thạnh, Tháp Mười	2012	Không lấy mẫu	Không lấy mẫu	Quy mô 410 hộ sử dụng.	Hệ thống không hoạt động. Chủ TCN không còn nhu cầu sử dụng hệ thống.	Chủ TCN có văn bản giao trả hệ thống và chờ quyết định hướng xử lý.
16	TCN Kênh 5 Ấp 2 xã Đốc Binh	Xã Đốc Binh Kiều,Tháp Mười	2013	Không lấy mẫu	Không lấy mẫu	Quy mô 400 hộ sử dụng.	Hệ thống không hoạt động.Lý do:	Chủ TCN giao trả hệ thống gửi

TT	TÊN TRẠM	ĐỊA CHỈ	NĂM LẮP ĐẶT	CHẤT LƯỢNG NƯỚC (QCVN 02:2009/BYT: Sắt tổng ≤0,5mg/l, Asen ≤10µg/l, Coliform ≤ 50 CFU/100ml, E.coli = 0 CFU/100ml)		QUY MÔ CẤP NƯỚC HIỆN TẠI	HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG	GIẢI PHÁP
				Đầu vào (Giếng)	Đầu ra (cấp đi)			
	Kiều						Chủ TCN không còn nhu cầu sử dụng hệ thống.	UBND và chờ quyết định hướng xử lý.
IX.	**Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp và Nước sạch Nông thôn** (01 TCN)							
1	TCN Kênh Giữa	xã Tân Kiều, Tháp Mười	2015	Sắt tổng: 0,08 mg/l Asen: **18,1 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt về Asen)	Sắt tổng: 0,05 mg/l Asen: **17,9 µg/l** Coliform: KPH E.coli: KPH (Không đạt về Asen)	Quy mô 250 hộ dân. Thiếu nước vào giờ cao điểm.	Hệ thống hoạt động không liên tục, do khu vực TCN điện áp yếu vào giờ cao điểm.	TCN cam kết vận hành hệ thống và thực hiện nghiêm túc đồng bộ các biện pháp đảm bảo chất lượng và lưu lượng nước cho người dân.
	Tổng cộng: 60 TCN							